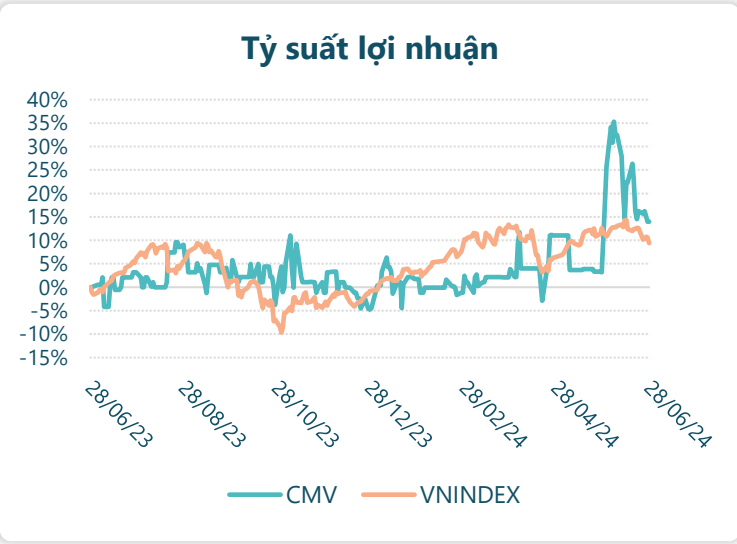


Ngày	10,150 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-15.1%	9.7%	16.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,480 - 12,050
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	184
Số lượng CPLH (CP)	18,155,868
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,190
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.37
EPS	863
P/E	11.8



Doanh thu thuần
Q2/24

1,117

tỷ VNĐ

QoQ: ▼47.0 | -4.0%

YoY: ▲93.0 | 9.1%

Nợ/VCSH
Q2/24

104%

YoY: +/-▲4.0%

LN gộp
Q2/24

44.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲2.70 | 6.6%

YoY: ▲4.00 | 10.0%

ROE (TTM)
Q2/24

6.5%

YoY: +/-▲0.4%

LN trước thuế
Q2/24

4.78

tỷ VNĐ

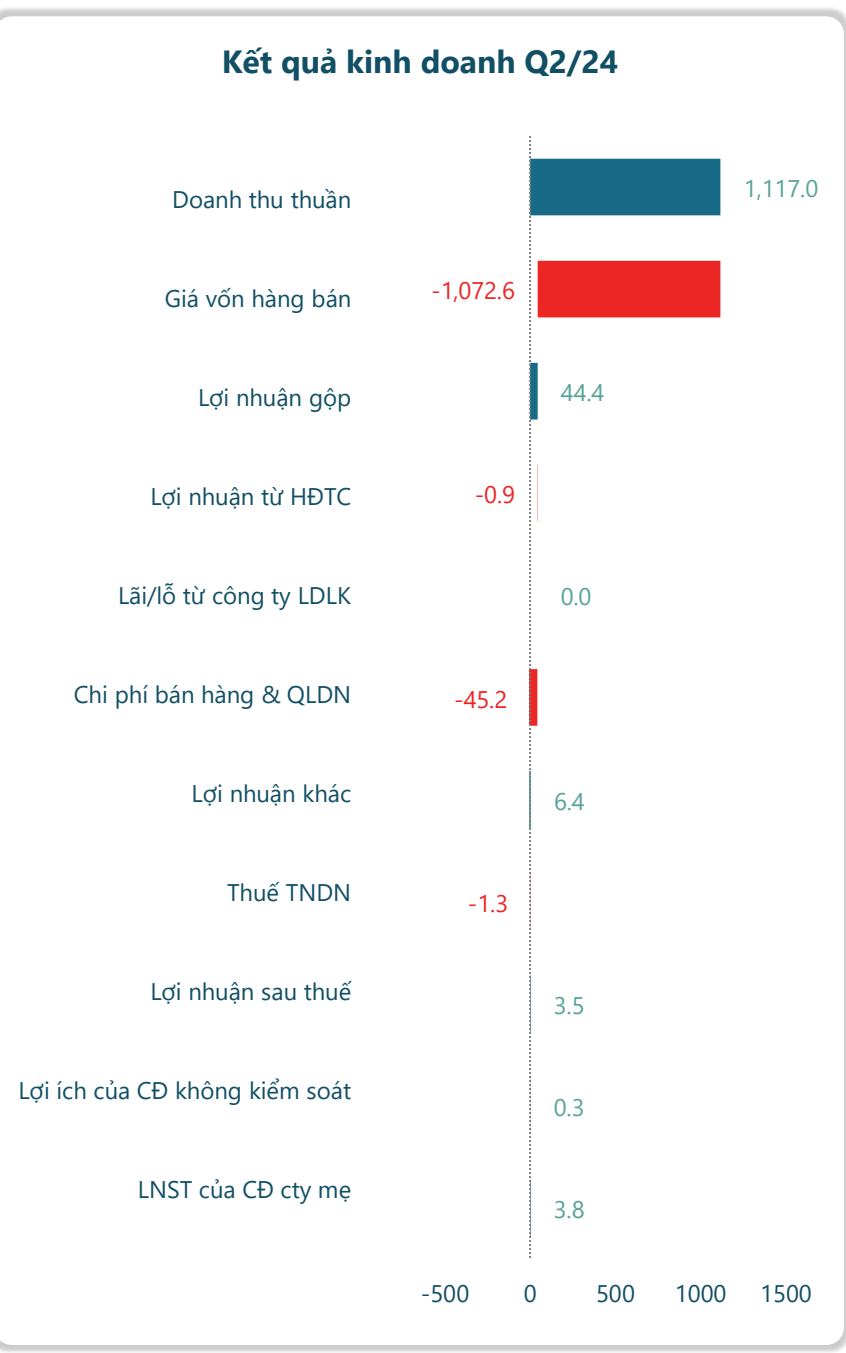
QoQ: ▲0.51 | 12.0%

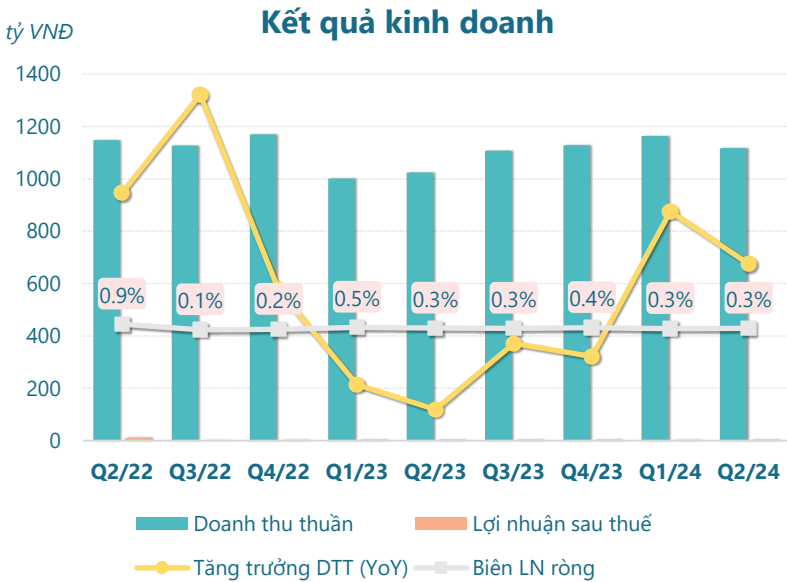
YoY: ▲0.40 | 9.2%

ROA (TTM)
Q2/24

3.3%

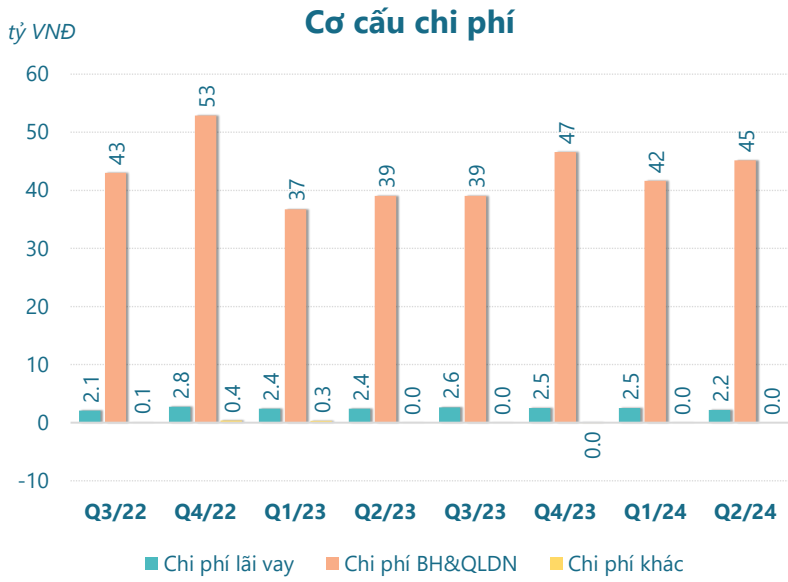
YoY: +/-▲0.1%





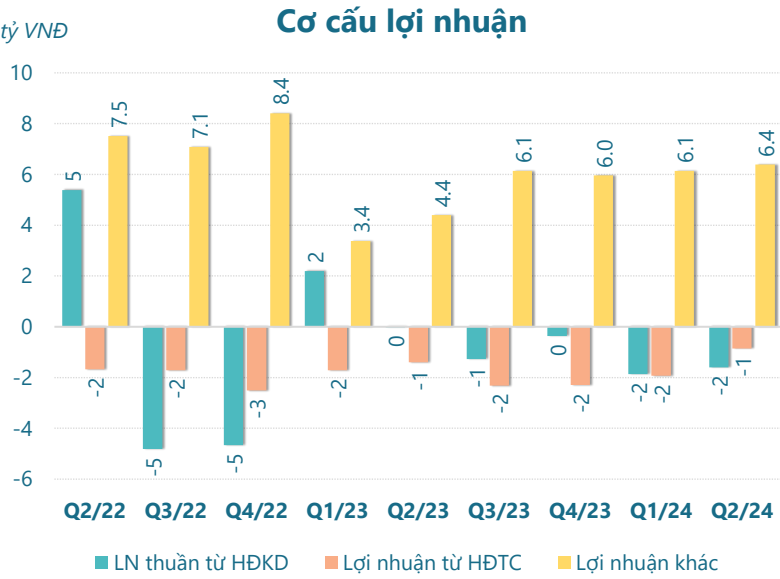
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** tăng thêm 0.27 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 1.58 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lở 0.86 tỷ đồng** tăng thêm 1.07 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.54 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 6.38 tỷ đồng**, tăng thêm 3.91% so với kỳ trước và cao hơn 45.0% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **CMV** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,117 tỷ đồng** tăng thêm **9.10%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 3.45 tỷ đồng, tăng trưởng 10.2%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **2,281 tỷ đồng** cao hơn 12.6% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 6.00 tỷ đồng** thấp hơn 14.3% so với cùng kỳ năm trước.



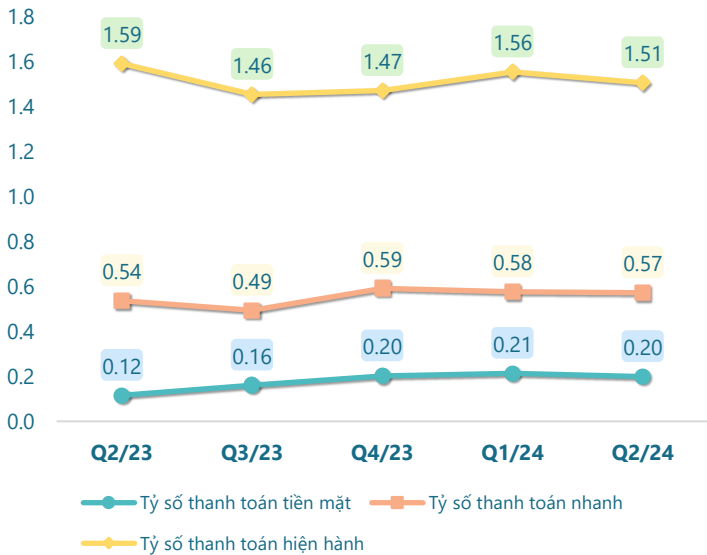
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **2.21 tỷ đồng** giảm đi 12.0% so với kỳ trước và thấp hơn 7.53% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **45.18 tỷ đồng** tăng thêm 8.58% so với kỳ trước và cao hơn 15.7% so với cùng kỳ năm trước.

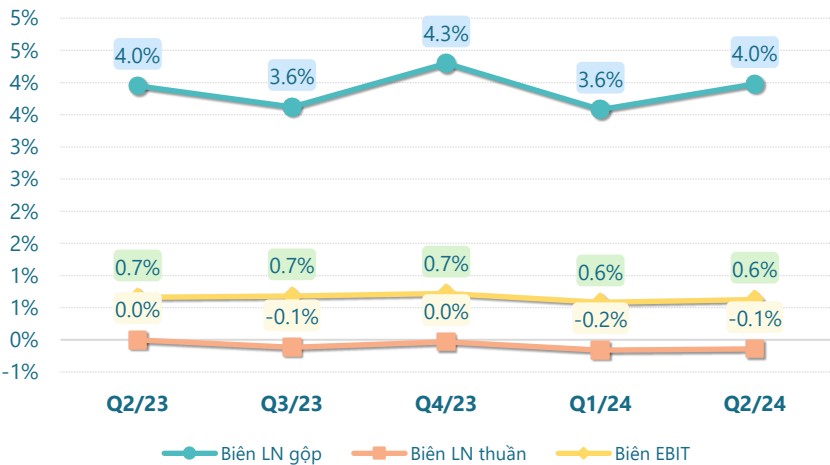
Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,117	1,164	-4.0%	1,024	9.1%	2,281	2,025	12.6%
Giá vốn hàng bán	1,073	1,122	-4.4%	983	9.1%	2,195	1,944	12.9%
Lợi nhuận gộp	44.4	41.7	6.6%	40.4	10.0%	86.1	81.1	6.2%
Doanh thu HĐTC	0.71	0.54	31.2%	0.66	7.3%	1.25	1.26	-1.1%
Chi phí TC	1.57	2.47	-36.4%	2.06	-23.8%	4.04	4.37	-7.5%
Chi phí lãi vay	2.21	2.51	-12.1%	2.39	-7.7%	4.72	4.82	-2.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	40.4	37.5	7.7%	33.8	19.5%	77.9	64.2	21.2%
Chi phí QLDN	4.78	4.15	15.2%	5.22	-8.4%	8.93	11.6	-22.8%
LN thuần từ HĐKD	-1.60	-1.87	14.4%	-0.02	-7902%	-3.47	2.17	-260%
Lợi nhuận khác	6.38	6.14	4.0%	4.40	45.1%	12.5	7.78	61.1%
LN trước thuế	4.78	4.27	12.0%	4.38	9.2%	9.06	9.95	-9.0%
Lợi nhuận sau thuế	3.45	2.89	19.5%	3.13	10.4%	6.34	7.30	-13.1%
LNST của CĐ cty mẹ	3.76	3.40	10.7%	3.55	6.0%	7.17	8.26	-13.2%

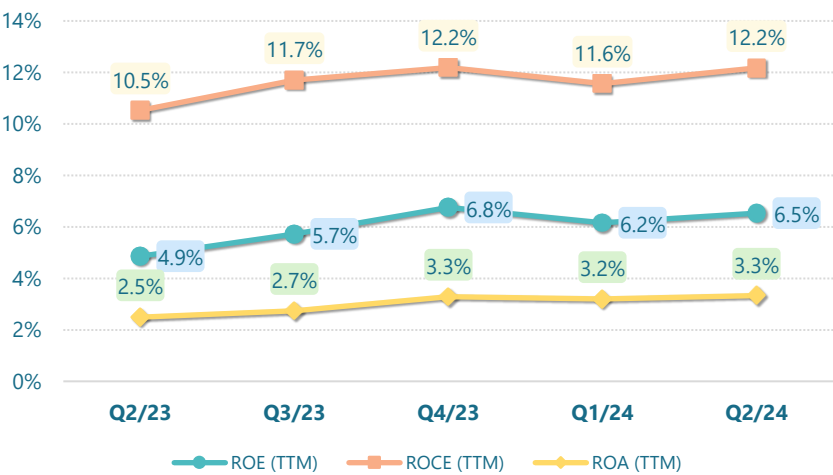
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

